

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng Đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo kết quả chấm điểm của thành viên Hội đồng Đánh giá tiếp cận pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp thành phố Nha Trang tại Tờ trình số 82 /TTr-TP ngày 26/01/2021 về việc đề nghị công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 25 xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Trưởng phòng: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính – Kế hoạch, Văn hóa và Thông tin, Kinh tế; Chánh Thanh tra thành phố; Trưởng Công an thành phố; các thành viên Hội đồng Đánh giá tiếp cận pháp luật thành phố Nha Trang; Chủ tịch UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu: VT.

Q. CHỦ TỊCH

Nguyễn Sỹ Khánh

DANH SÁCH CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

STT	Tên xã, phường	Tổng điểm	Điểm thẩm định của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
I	Loại I							
1	Phước Tân	99.5	15	29.5	25	10	20	100
2	Ngọc Hiệp	99.5	15	29.5	25	10	20	100
3	Vĩnh Phương	99.45	15	29.45	25	10	20	100
4	Vĩnh Hòa	99.27	15	29.47	25	9.8	20	100
5	Phước Hải	98.99	15	29.49	25	9.5	20	100
6	Vĩnh Nguyên	98.96	15	29.46	24.5	10	20	100
7	Vĩnh Ngọc	98.5	15	29.5	25	9	20	100
8	Vĩnh Trường	98.34	15	29.34	25	10	19	98.9
9	Vĩnh Phước	98	14	29.5	24.5	10	20	100
10	Xương Huân	97.47	15	29.47	25	8	20	100
11	Lộc Thọ	97.44	13	29.44	25	10	20	100
12	Phước Đồng	97.16	14	29.34	24	9.82	20	100
13	Tân Lập	97	14	29.5	23.5	10	20	100
14	Vĩnh Hải	96.86	15	29.46	24	10	18.4	100
15	Vĩnh Lương	93.86	14	29.36	21	9.5	20	99.05
II	Loại II							
1	Vĩnh Hiệp	99.5	15	29.5	25	10	20	100
2	Vạn Thắng	99.5	15	29.5	25	10	20	100
3	Phương Sơn	99.49	15	29.49	25	10	20	100
4	Vĩnh Trung	99.35	15	29.35	25	10	20	100
5	Vạn Thạnh	99.23	14.75	29.48	25	10	20	100
6	Phước Tiến	98.49	14	29.49	25	10	20	100
7	Phương Sài	98.48	15	29.48	24	10	20	100
8	Phước Hòa	97.5	15	29.5	25	8	20	100
9	Vĩnh Thạnh	96.32	15	29.49	23.5	8.33	20	100
10	Vĩnh Thái	92.45	8.75	29.4	25	9.3	20	100

DANH SÁCH CẤP XÃ CHƯA ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

STT	Tên xã, phường	Tổng điểm	Điểm thẩm định của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)	Cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5		
I	Loại I								
1	Phước Long	98.93	15	29.43	24.5	10	20	99.65	X
2	Vĩnh Thọ	98.49	15	29.49	24	10	20	100	X